

Số: 344/KH-LĐLĐ

Lai Châu, ngày 26 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 10c/NQ-BCH, ngày 12/1/2017
của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
và Chỉ thị số 04/CT-TLĐ ngày 03/3/2017 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam**

Thực hiện Kế hoạch số 206/KH-TLĐ ngày 18/05/2022 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 10c/NQ-BCH, ngày 12/01/2017 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (khoá XI) về “Nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động của tổ chức công đoàn trong tình hình mới” (sau đây gọi là Nghị quyết) và Chỉ thị số 04/CT-TLĐ ngày 03/3/2017 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Xanh – Sạch – Đẹp, bảo đảm an toàn về sinh lao động” (sau đây gọi là Chỉ thị); Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá những kết quả đạt được thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ giải pháp đã nêu trong Nghị quyết 10c/NQ-BCH và Chỉ thị số 04/CT-TLĐ (từ năm 2017 đến hết tháng 6 năm 2022), phân tích chỉ rõ những tồn tại, hạn chế nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

2. Đề ra các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết 10c/NQ-BCH và phong trào Xanh – Sạch – Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động.

3. Việc tổ chức tổng kết phải đảm bảo nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả.

II. NỘI DUNG TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết 10c//NQ-BCH và Chỉ thị số 04/CT-TLĐ. (có đề cương kèm theo)

2. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết 10c/NQ-BCH, gồm:

2.1. Nâng cao năng lực, hiệu quả công đoàn tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chế độ chính sách về An toàn, vệ sinh lao động.

2.2.Đổi mới hình thức, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, tập huấn, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm bảo đảm ATVSLĐ cho người sử dụng lao động (NSDLĐ), cán bộ, đoàn viên và người lao động (NLĐ).

2.3. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phong trào quần chúng làm công tác an toàn vệ sinh lao động và góp phần thúc đẩy thực hiện Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong đó, có kết quả 5 năm thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TLĐ, ngày 03/3/2017 của Đoàn Chủ tịch về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Xanh – Sạch – Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động trong tình hình mới”.

2.4. Tăng cường hiệu quả phối hợp với các cơ quan chức năng, người sử dụng lao động trong công tác ATVSLĐ.

2.5. Đẩy mạnh nâng cao chất lượng, công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác An toàn vệ sinh lao động; ứng dụng khoa học công nghệ về ATVSLĐ, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

3. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đã nêu trong Nghị quyết 10c/NQ-BCH: có số liệu cụ thể, đối chiếu so sánh với các mục tiêu, chỉ tiêu, mức độ hoàn thành và khả năng hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết, các mô hình mới, cách làm hay trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

4. Đánh giá những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết 10c/NQ-BCH và Chỉ thị 04/CT-TLĐ.

5. Đề xuất bổ sung điều chỉnh, nhiệm vụ giải pháp, mục tiêu, chỉ tiêu thời gian tới để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

6. Những kiến nghị, đề xuất.

III. HÌNH THỨC, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Hình thức sơ kết

- Liên đoàn Lao động tỉnh căn cứ tình hình thực tế để quyết định thực hiện sơ kết trực tiếp tại hội nghị hoặc sơ kết bằng văn bản.

- Các LĐLĐ huyện, Thành phố, Công đoàn Ngành, Công đoàn Viên chức căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị để quyết định thực hiện sơ kết trực tiếp tại hội nghị hoặc sơ kết bằng văn bản.

2. Thời gian sơ kết

- LĐLĐ tỉnh hoàn thành trước **10/7/2022**.

- Các LĐLĐ huyện, Thành phố, Công đoàn Ngành, Công đoàn Viên chức; Công đoàn cơ sở trực thuộc hoàn thành trước ngày **30/6/2022**.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Liên đoàn Lao động tỉnh

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp công đoàn trong tỉnh báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 10c/ NQ-BCH và Chỉ thị số 04/CT-TLĐ và tổ chức sơ kết ở cấp tỉnh.

- Tổng hợp, gửi báo cáo sơ kết về Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (qua Ban Quan hệ Lao động trước ngày **10/7/2022**).

2. Công đoàn cấp trên cơ sở

- Hướng dẫn, đôn đốc các CĐCS trực thuộc báo cáo kết quả khai thực hiện Nghị quyết 10c/ NQ-BCH và Chỉ thị số 04/CT-TLĐ và tổ chức sơ kết ở cấp mình.

- Tổng hợp, gửi báo cáo sơ kết về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Chính sách pháp luật và Quan hệ Lao động trước ngày **30/6/2022**).

Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Chính sách pháp luật và Quan hệ Lao động SĐT: 3.877.526) để giải đáp kịp thời.

Nơi nhận:

- Tổng LĐLĐVN;
- Ban Dân vận Tỉnh uỷ;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở LĐTB và XH tỉnh;
- LĐLĐ huyện, TP, CDN, CĐVC;
- Các CĐCS trực thuộc;
- Lưu: VP, CSP L&QHLD.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trinh

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

*Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 10c/NQ-BCH và Chỉ thị số 04/CT-TLĐ
(Kèm theo kế hoạch số: 344/KH-LĐLĐ ngày 26/5/2022 của LĐLĐ)*

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 10C/NQ-BCH

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Những thuận lợi khó khăn trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết và các tác động đến công tác ATVSLĐ của địa phương, ngành.
2. Tình hình thực hiện pháp luật ATVSLĐ của địa phương, ngành.
3. Tình hình điều kiện làm việc, môi trường lao động, tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp ở địa phương, ngành (*giai đoạn từ năm 2017 đến hết tháng 6/2022*)

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Công tác quán triệt, triển khai và các chương trình, kế hoạch, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết
2. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ của công đoàn các cấp đối với việc thực hiện Nghị quyết.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Nâng cao năng lực, hiệu quả công đoàn tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chế độ chính sách về ATVSLĐ

2. Kết quả nghiên cứu, đề xuất ý kiến việc tham gia với cơ quan nhà nước xây dựng các văn bản pháp luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ATVSLĐ; chế độ chính sách về công tác ATVSLĐ; việc lấy ý kiến của các chuyên gia, cán bộ đoàn viên công đoàn và NLD nhằm đảm bảo các ý kiến đề xuất vừa có cơ sở khoa học, thực tiễn, vừa có lợi cho NLD.

Việc tham gia với người sử dụng lao động (NSDLĐ) xây dựng, giám sát việc thực hiện kế hoạch, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ.

Việc đánh giá xếp hạng mức độ hài lòng của người lao động đối với công tác ATVSLĐ tại doanh nghiệp.

Việc thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể có các điều khoản về điều kiện làm việc, ATVSLĐ; việc hỗ trợ, giúp đỡ NLD khiếu nại, khởi kiện khi quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng về ATVSLĐ bị xâm phạm.

Việc tổ chức đối thoại các vấn đề liên quan đến điều kiện làm việc, ATVSLĐ.

3. Đổi mới hình thức, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn, huấn luyện nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo đảm ATVSLĐ cho người sử dụng lao động, cán bộ, đoàn viên và NLĐ.

- Những nội dung đổi mới các hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật và kiến thức về ATVSLĐ. Kết quả các hoạt động tuyên truyền hoặc lồng ghép thông tin về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với các chương trình, hoạt động, thông tin, truyền thông khác.

- Kết quả công tác tổ chức tập huấn, huấn luyện về ATVSLĐ, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, đánh giá nguy cơ rủi ro và các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ. Kết quả các hoạt động tuyên truyền, lồng ghép, thông tin về phòng ngừa tai nạn lao động và phối hợp tổ chức phong trào thi đua về ATVSLĐ, phong trào quần chúng làm ATVSLĐ; xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.

4. Việc tăng cường hiệu quả phối hợp với các cơ quan chức năng, người sử dụng lao động trong công tác ATVSLĐ

- Đánh giá việc công đoàn cấp trên cơ sở chủ động đề xuất và phối hợp với các cơ quan chức năng để tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về ATVSLĐ, chỉ đạo CĐCS chủ động phối hợp với NSDLĐ tổ chức tự kiểm tra công tác ATVSLĐ.

- Việc chủ động và kịp thời đề xuất ý kiến tham gia xây dựng các văn bản pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về ATVSLĐ; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất từ cán bộ, đoàn viên công đoàn và người lao động về những bất cập vướng mắc để kiến nghị đề xuất với cơ quan chức năng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp bảo đảm ATVSLĐ và quyền, lợi ích chính sách cho NLĐ.

- Kết quả hoạt động của CĐCS trong việc phối hợp với NSDLĐ

+ Xây dựng kế hoạch ATVSLĐ, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ

+ Thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh lao động

+ Tổ chức tự kiểm tra công tác ATVSLĐ, đánh giá nguy cơ và rủi ro tại nơi làm việc

+ Điều tra tai nạn lao động

+ Việc giải quyết chế độ cho NLĐ bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

+ Tổ chức phát động phong trào thi đua; phong trào quần chúng làm công tác ATVSLĐ, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc

5. Kết quả phối hợp với cơ quan chức năng, NSDLĐ trong công tác ATVSLĐ (thanh tra, kiểm tra, giám sát, điều tra tai nạn lao động, Thảng hành động về ATVSLĐ; hội đồng ATVSLĐ cấp cơ sở,...)

6. Kết quả công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ công đoàn làm công tác ATVSLĐ.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TRONG NGHỊ QUYẾT

Đánh giá kết quả chỉ tiêu đạt được từ năm 2017 đến hết tháng 6/2022, có số liệu cụ thể, so sánh, đối chiếu với mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết đề ra

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Khái quát kết quả đạt được trong quá trình thực hiện Nghị quyết.
2. Những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết.
3. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế của những mục tiêu, chỉ tiêu chưa đạt so với Nghị quyết đề ra.
4. Bài học kinh nghiệm

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRONG THỜI GIAN TỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Dự báo tình hình địa phương, ngành thời gian tới tác động đến công tác ATVSLĐ, đến hoạt động công đoàn và việc thực hiện Nghị quyết

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Trên cơ sở kết quả thực hiện Nghị quyết trong 5 năm qua và phân tích, dự báo tình hình thời gian tới đề ra nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

III. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT.

Phụ lục 3

**KẾT QUẢ THAM GIA KIỂM TRA, THANH TRA, GIÁM SÁT
VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

(Kèm theo Kế hoạch số: 344 /KH-LĐLĐ ngày 26/5/2022 của LĐLĐ)

| Năm | Công đoàn phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra, thanh tra, giám sát về ATVSLĐ | | | | Công đoàn cơ sở phối hợp với NSDLĐ tự kiểm tra về ATVSLĐ | | |
|---|--|-------------------------------------|------------------------------------|---|--|------------------------------------|---|
| | Số cuộc/dợt kiểm tra | Số doanh nghiệp/cơ sở SXKD kiểm tra | Số nguy cơ, vi phạm được phát hiện | Số nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới | Số doanh nghiệp/cơ sở SXKD tự kiểm tra | Số nguy cơ, vi phạm được phát hiện | Số nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới |
| 2017 | | | | | | | |
| 2018 | | | | | | | |
| 2019 | | | | | | | |
| 2020 | | | | | | | |
| 2021 | | | | | | | |
| Năm 2022 <i>(tính đến hết tháng 6)</i> | | | | | | | |
| CỘNG | | | | | | | |

Phụ lục 4

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH MẠNG LƯỚI AN TOÀN, VỆ SINH VIÊN
VÀ ĐỀ TÀI, CÔNG TRÌNH, SÁNG KIẾN VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

(Kèm theo Kế hoạch số: 344/KH-LĐLĐ ngày 26 /5/2022 của LĐLĐ)

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 (tính đến hết tháng 6) | CỘNG |
|-----------|---|----------|----------|----------|----------|----------|---------------------------------------|------|
| I | MẠNG LƯỚI AN TOÀN VỆ SINH VIÊN (ATVSV) | | | | | | | |
| 1 | Tổng số doanh nghiệp của địa phương/ngành | | | | | | | |
| 2 | Số doanh nghiệp thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên | | | | | | | |
| 3 | Số lượng an toàn, vệ sinh viên | | | | | | | |
| 4 | Số doanh nghiệp có phụ cấp cho an toàn, vệ sinh viên | | | | | | | |
| 5 | Mức phụ cấp trung bình/ATVSV/tháng (đồng) | | | | | | | |
| II | ĐỀ TÀI, CÔNG TRÌNH, SÁNG KIẾN VỀ ATVSLĐ | | | | | | | |
| 1 | Tổng số đề tài, công trình, sáng kiến về ATVSLĐ | | | | | | | |
| 2 | Giá trị làm lợi hiệu quả về mặt kinh tế (triệu đồng) | | | | | | | |

Phụ lục 5

**THỐNG KÊ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
CỦA CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

(Kèm theo Kế hoạch số: 344 /KH-LĐLĐ ngày 26/5/2022 của LĐLĐ)

| TT | Nội dung | Chuyên ngành đào tạo | | | |
|-------------|---|--|---|--|------|
| | | Số người được đào tạo ngành Bảo hộ lao động | Số người được đào tạo ngành kỹ thuật | Số người được đào tạo chuyên ngành khác | CỘNG |
| 1 | Cán bộ tại cơ quan LĐLĐ tỉnh, thành phố, công đoàn ngành TW, công đoàn tổng công ty trực thuộc TLĐ được phân công làm công tác ATVSLĐ | | | | |
| 2 | Cán bộ tại cơ quan công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở được phân công làm công tác ATVSLĐ | | | | |
| CỘNG | | | | | |

Phụ lục 6

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo, đánh giá 5 năm thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TLĐ ngày 03/3/2017 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Xanh – Sạch – Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” trong tình hình mới
(Kèm theo Kế hoạch số: 344/KH- LĐLĐ ngày 26/5/2022 của LĐLĐ)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của Chỉ thị tập trung vào các nội dung:

1. Công tác tuyên truyền trong các cấp, các ngành, NSDLĐ, cán bộ, đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, lao động về mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của phong trào “Xanh – Sạch – Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”.

2. Đánh giá hiệu quả phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, phong trào quần chúng làm công tác ATVSLĐ.

3. Công tác phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, NSDLĐ tổ chức các hình thức thi đua về ATVSLĐ; Phối hợp tổ chức kiểm tra và tự kiểm tra ATVSLĐ, kiểm tra chấm điểm phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”; Tuyên dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào và nhân rộng các điển hình.

4. Việc củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ kỹ năng và phương pháp hoạt động, Hội thi an toàn vệ sinh viên giỏi.

5. Việc xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.

6. Bảo đảm ATVSLĐ gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy việc thực hiện Tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ

1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chỉ thị.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHỈ THỊ TRONG THỜI GIAN TỚI

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

